

Vai trò của tái phân bổ lao động đối với năng suất nhân tố tổng hợp trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam¹

NGUYỄN VIỆT HÙNG*
ĐỖ VĂN LÂM**
TRẦN THỊ PHƯƠNG LY***
PHẠM THIÊN TRANG****

Tóm tắt

Bài viết phân tích vai trò của tái phân bổ lao động đối với năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (CNCB) ở Việt Nam giai đoạn 2006-2019. Dựa trên phương pháp thực hiện phân rã TFP của Bailey và các cộng sự (1992), Disney và các cộng sự (2003) và Choi Hyelin và cộng sự (2017), kết quả phân tích cho thấy, việc thu hẹp quy mô, cắt giảm lao động và rút lui của doanh nghiệp (DN) trong ngành CNCB có cải thiện đáng kể TFP. Tuy nhiên, hiệu quả tái phân bổ lao động đến TFP trong các ngành khác nhau là khác nhau, tác động có thể là dương hoặc âm. Tính chung cho toàn ngành CNCB giai đoạn 2006-2019, thì ảnh hưởng của tái phân bổ lao động tới TFP là âm (-0.027).

Từ khóa: năng suất nhân tố tổng hợp, tái phân bổ lao động, công nghiệp chế biến, chế tạo

Summary

This paper analyzes the role of labor reallocation in total factor productivity (TFP) in manufacturing industries in Vietnam over the period 2006-2019. Employing decomposition of TFP proposed by Bailey et al. (1992), Disney et al. (2003) and Choi Hyelin et al. (2017), it indicates that the downscaling, labor reduction and exits (enterprises exit) in manufacturing industries have significantly improved TFP. However, the effect of labor reallocation on TFP in different industries is not the same, it can be positive or negative. For the whole manufacturing industry in the period 2006-2019, the effect of labor reallocation on TFP is negative (registering -0.027).

Keywords: total factor productivity, labor reallocation, manufacturing industry

GIỚI THIỆU

Quá trình tái phân bổ lao động giữa các ngành không chỉ giúp tăng năng suất nội ngành, mà còn làm gia tăng lợi nhuận nhờ quá trình tái phân bổ lao động đến các ngành có mức năng suất cao, hoặc tốc độ tăng trưởng cao hơn. Ở Việt Nam, năm 2019, ngành CNCB cung cấp cho nền kinh tế khoảng 20% số lượng việc làm. Thời kỳ 2016-2019, ngành CNCB có tỷ lệ tăng trưởng bình quân hơn 11%/năm và TFP của ngành tăng khoảng 3,1%/năm, so với giai đoạn 2000-2016, TFP tăng bình quân

là 2.323%/năm. Như vậy, TFP của ngành CNCB giai đoạn 2016-2019 đã tăng khoảng 0,8 điểm phần trăm (Minh N K. và cộng sự, 2019). Bài viết này đánh giá nguyên nhân bên trong và bên ngoài dẫn đến sự gia tăng của TFP của thời kỳ 2006-2019, đây là mảng khá hiếm trong các nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu của Bailey và cộng sự (1992) đã đề xuất phương pháp phân rã TFP trong các ngành công nghiệp và sử dụng số liệu 23 ngành công nghiệp giai đoạn 1972-1988. Disney và cộng sự (2003), Choi

*, **, ***, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

**** Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày nhận bài: 12/01/2022; Ngày phản biện: 20/02/2022; Ngày duyệt đăng: 25/02/2022

¹ Bài viết thuộc Đề tài cấp Bộ B2020.KHA.03 "Ảnh hưởng của quá trình tái phân bổ lao động đến năng suất của các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến".

Hyelin và cộng sự (2017) đã áp dụng phương pháp của Bailey và các cộng sự (1992) để phân rã TFP. Trong đó, Disney và các cộng sự (2003) phân tích sự tăng trưởng năng suất trong ngành CNCB của Vương quốc Anh giai đoạn 1980-1992. Kết quả cho thấy: (i) Tái cấu trúc bên ngoài chiếm 50% tăng trưởng năng suất lao động của DN và 80%-90% tăng trưởng TFP; (ii) Phần lớn tác động của tái cấu trúc bên ngoài đến việc các công ty, nhiều cơ sở phải đóng cửa do các nhà máy hoạt động kém và thành lập các nhà máy mới có hiệu suất cao hơn; (iii) Cạnh tranh bên ngoài là yếu tố quan trọng quyết định đến tái cấu trúc nội bộ.

Trong khi đó, nghiên cứu của Choi Hyelin và cộng sự (2017) chỉ ra rằng, sự tăng trưởng năng suất chủ yếu là do cải tiến công nghệ nội bộ. Mặt khác, việc phân bổ lại lao động có tác động tiêu cực đến tăng trưởng năng suất trong trường hợp lao động dịch chuyển từ ngành có năng suất cao sang ngành có năng suất thấp hơn. Đồng thời, các tác giả cũng cho thấy, tiến bộ công nghệ và tái phân bổ lao động có đóng góp tích cực vào gia tăng năng suất của ngành CNCB, nhưng thấp hơn so với đóng góp của tái cơ cấu nội ngành.

Dabla-Norris và cộng sự (2015) thực hiện các nghiên cứu để tính toán mức tăng TFP từ việc phân bổ tốt hơn các yếu tố đầu vào giữa các ngành cho 12 nền kinh tế tiên tiến và nhận thấy rằng, vốn và lao động được cải thiện tái phân bổ làm tăng TFP khoảng 9%. Hsieh và Klenow (2009) xác định, việc phân bổ sai nguồn lực là một lý do quan trọng dẫn đến sự khác biệt về năng suất giữa các quốc gia.

Fung Kwan và cộng sự (2018) dựa trên khung lý thuyết Temple và Woßmann (2006), đã đưa ra mô hình 3 ngành để xác định vai trò của phân bổ lại lao động đối với TFP ở Trung Quốc từ những năm 1980. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phân bổ lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn có ảnh hưởng mạnh hơn so với ở thành thị về việc cải thiện tăng trưởng sản lượng.

Minh N K và Long T G (2008) đã ước lượng thay đổi năng suất, hiệu quả kỹ thuật và tiến bộ công nghệ các ngành kinh tế ở Việt Nam dựa trên phương pháp hàm sản xuất cho giai đoạn 1985-2006. Các tác giả chỉ ra rằng, khi năng suất thay đổi sẽ dẫn đến những thay đổi về mặt công nghệ trong sản xuất và tiến bộ công nghệ đóng góp 19.7% vào tăng trưởng kinh tế.

Minh N K và cộng sự (2019) đã đo lường tăng trưởng TFP và tái phân bổ lao động trong ngành CNCB ở Việt Nam sau thời kỳ đổi mới. Nhóm tác giả sử dụng phương pháp Olley-Pakes cho thấy, các kết quả không đồng nhất khi phân tích theo các loại hình sở hữu, theo quy mô DN và theo ngành sản xuất, kinh doanh. Hạn chế chính của nghiên cứu này là các tác giả tính toán TFP bằng cách sử dụng tỷ lệ việc làm thực tế (vẫn còn phân bổ sai trong lao động), thay vì sử dụng tỷ lệ việc làm tối ưu (không có phân bổ sai trong lao động).

Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân rã TFP được đề xuất bởi Bailey và cộng sự (1992), áp dụng

theo cách làm của Disney và cộng sự (2003), Choi Hyelin và cộng sự (2017), TFP được phân rã như phương trình (1) dưới đây.

$$\Delta tfp_{kt} = \sum_{i \in E, D} \theta_{ikt} \Delta tfp_{ikt} + \sum_{i \in L} \Delta \theta_{ikt} tfp_{ikt} + \sum_{i \in D} \Delta \theta_{ikt} tfp_{ikt} + \sum_{i \in N} \theta_{ikt} tfp_{ikt} - \sum_{i \in X} \theta_{ikt-t} tfp_{ikt-t} \quad (1)$$

Ở đây N , E , D và X ký hiệu là DN tương ứng ở các trạng thái: gia nhập, mở rộng, thu hẹp và rút lui giữa thời kỳ $t-1$ và t . Trong đó, nếu 1 DN mới xuất hiện trong dữ liệu được gọi là DN gia nhập và DN không còn xuất hiện trong dữ liệu được gọi là DN rút lui;

tfp_{kt} và tfp_{ikt} tương ứng là TFP ngành k và DN i tại thời điểm t ;

θ_{ikt} là tỷ trọng lao động của DN i trong ngành k tại thời điểm t . Toán tử Δ chỉ sự thay đổi về TFP và lao động giữa hai thời kỳ t và $t-1$;

Trong công thức phân rã TFP ở trên cho thấy: (i) Thành phần đầu tiên thể hiện thay đổi năng suất nội ngành (do sự phát triển công nghệ hoặc hiệu quả quản lý); (ii) Thành phần thứ hai thể hiện gia tăng TFP bởi gia tăng lao động; (iii) Thành phần thứ ba thể hiện thay đổi TFP thông qua cắt giảm lao động; (iv) Thành phần thứ tư thể hiện thay đổi TFP thông qua gia nhập; (v) Thành phần thứ năm thể hiện thay đổi TFP thông qua sự rút lui của DN trong ngành.

Theo Choi Hyelin và cộng sự (2017), cách phân rã ở trên gặp khó khăn trong việc xác định sự thay đổi của TFP do thay đổi tỷ lệ lao động hay mức độ năng suất. Chẳng hạn, khi DN mở rộng hoạt động có năng suất cao hơn, nhưng chiếm tỷ trọng thấp hơn so với những DN giảm quy mô lao động, thì đóng góp chung của các DN vào TFP lại là âm. Tương tự, đối với nhóm DN gia nhập và rút lui, nếu số lượng rút lui là lớn hơn nhiều so với những DN gia nhập, thì đóng góp chung của nhóm này lại mang dấu âm. Do vậy, trong nghiên cứu này sẽ thực hiện phân rã TFP theo tiếp cận của Disney, Haskel và Heden (2003) và Choi Hyelin và cộng sự (2017), theo đó phương trình (1) sẽ được biến đổi như sau:

$$\Delta y_{kt} = \sum_{i \in E, D} \theta_{ikt-t} \Delta y_{ikt} + \sum_{i \in E} \Delta \theta_{ikt} (y_{ikt-t} - \bar{y}_{kt-t}) + \sum_{i \in E, D} \theta_{ikt} \Delta y_{ikt} + \sum_{i \in N} \theta_{ikt} (y_{ikt-t} - \bar{y}_{kt-t}) - \sum_{i \in X} \theta_{ikt-t} (y_{ikt-t} - \bar{y}_{kt-t}) \quad (2)$$

Trong đó, Δy_{ikt} là thay đổi TFP của ngành k năm t so với $t-1$; \bar{y}_{kt} là TFP trung bình của ngành k ở năm t .

Công thức phân rã ở phương trình (2) cho thấy: (i) Thành phần đầu tiên

thể hiện thay đổi năng suất nội ngành (phát triển công nghệ hoặc nâng cao hiệu quả quản lý); (ii) Thành phần thứ hai thể hiện gia tăng của TFP bởi sự mở rộng quy mô lao động; (iii) Thành phần thứ ba thể hiện sự thay đổi của TFP thông qua cắt giảm lao động; (iv) Thành phần thứ tư là hiệp phương sai giữa tỷ lệ lao động và thay đổi năng suất; (v) Thành phần thứ năm thể hiện thay đổi của TFP thông qua sự gia nhập của các DN; (vi) Thành phần thứ sáu thể hiện thay đổi của TFP thông qua sự rút lui của DN.

Dựa trên kết quả phân rã ở phương trình (2), hiệu quả tái phân bổ lao động đối với sự gia tăng TFP sẽ được tính toán theo phương trình (3):

$$EFF_{it} = \sum_{i \in E} \Delta \theta_{it} (y_{it,t} - \bar{y}_{it,t}) + \sum_{i \in D} \Delta \theta_{it} (y_{it,t} - \bar{y}_{it,t}) + \sum_{i \in E,D} \theta_{it,t} \Delta y_{it,t} \quad (3)$$

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp được thu thập, xử lý và ghép từ nguồn điều tra DN hàng năm của Tổng cục Thống kê (GSO) giai đoạn 2006-2019. Theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ, ngành CNCB bao gồm 24 ngành cấp 2 (10-33) và 232 ngành cấp 3 (101-332). Số lượng các DN trong ngành CNCB theo điều tra của GSO với năm 2006 là 19.326 DN; năm 2019 tăng lên 42.334 DN. Trong đó, các DN nhỏ và siêu nhỏ chiếm tới gần 89%, các DN vừa chiếm khoảng 3.5% và khoảng 7.5% là DN lớn (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA TÁI PHÂN BỐ LAO ĐỘNG ĐẾN TFP

Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cho thấy, mức tăng trưởng bình quân năm của ngành CNCB liên tục tăng lên theo từng giai đoạn. Cụ thể là, giai đoạn 2006-2010 đạt 9.33%; giai đoạn 2011-2015 là 9.67%; và giai đoạn 2016-2020 đạt 11.28%. Năm 2020, do bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, tăng trưởng của ngành thấp hơn so với những năm trước đó, song vẫn ở mức 5.82%. Theo đó, ngành CNCB hiện vẫn là động lực cho tăng trưởng kinh tế, có đóng góp lớn nhất cho GDP quốc gia.

BẢNG 1: PHÂN RÃ TFP THEO NGÀNH SẢN XUẤT

Mã ngành	Đóng góp bên trong	Đóng góp bên ngoài						
		Tổng đóng góp bên ngoài	Hiệu quả tái phân bổ lao động				DN gia nhập và rút lui	
			Tổng tái phân bổ lao động	DN sống sót		Hiệp phương sai	Gia nhập	Rút lui
(1)	(2)	(3) = (4)+(8)+(9)	(4) = (5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	0.270	0.382	0.061	0.323	0.024	-0.286	0.515	-0.194
11	0.227	2.492	-0.049	0.660	-0.005	-0.704	3.724	-1.183
12	-0.139	-0.463	0.131	0.877	0.021	-0.766	-0.144	-0.450
13	0.194	-0.999	0.024	0.127	-0.185	0.082	-0.926	-0.097
14	0.281	0.081	0.055	0.099	0.009	-0.054	0.057	-0.030
15	0.365	0.396	0.451	0.539	0.002	-0.089	-0.079	0.023
16	0.107	0.020	0.005	0.124	0.018	-0.136	0.040	-0.025
17	0.256	0.105	-0.002	0.219	0.014	-0.235	0.178	-0.072
18	0.090	0.208	-0.026	0.025	-0.001	-0.050	0.338	-0.103
19	0.118	-0.480	-0.452	-0.224	-0.016	-0.212	0.150	-0.178
20	0.211	-0.129	0.031	0.392	0.063	-0.424	0.130	-0.290
21	0.296	0.623	-0.080	0.193	0.011	-0.284	0.911	-0.207
22	0.158	0.395	-0.031	0.066	0.056	-0.153	0.528	-0.102
23	0.126	0.317	0.011	0.138	0.038	-0.164	0.452	-0.146
24	0.506	0.740	-0.055	0.089	0.024	-0.168	0.982	-0.186
25	0.148	0.490	0.047	0.138	0.034	-0.125	0.557	-0.114
26	0.053	0.758	0.000	-0.005	0.003	0.002	0.827	-0.070
27	0.177	0.196	0.043	0.164	-0.001	-0.120	0.232	-0.079
28	0.219	0.865	0.041	0.058	0.018	-0.035	0.967	-0.142
29	0.137	0.059	-0.234	-0.135	0.017	-0.116	0.602	-0.310
30	-0.357	-0.426	-0.825	0.133	0.026	-0.984	0.894	-0.496
31	0.154	0.247	0.064	0.165	0.011	-0.112	0.233	-0.049
32	0.217	0.325	0.036	0.101	0.007	-0.072	0.341	-0.052
33	0.043	1.254	0.115	0.301	0.021	-0.208	0.289	0.851
TB	0.161	0.311	-0.027	0.190	0.009	-0.226	0.492	-0.154

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra DN của nhóm tác giả

Một số ngành sản xuất có đóng góp lớn trong giá trị gia tăng của toàn ngành CNCB gồm: ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (đóng góp 27%); sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (13.9%); sản xuất, chế biến thực phẩm (6.3%)...

Đồng thời, ngành CNCB là ngành hấp thụ lực lượng lao động lớn thứ hai của cả nước (chỉ xếp sau ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản). Tỷ trọng lao động đang làm việc trong ngành CNCB tăng nhanh từ 12.5% năm 2007 lên 20.7% năm 2019.

TFP² của ngành CNCB cũng có xu hướng tăng trong toàn bộ giai đoạn 2006-2019 (ngoại trừ năm

² TFP được tính toán từ số liệu điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2006-2019 bằng phương pháp bán tham số của Levinson J. và Petrin A. (2003).

2019). Nếu như năm 2006, TFP chỉ tăng là 2.62%, thì năm 2017 và 2018 là 3.25%. Năm 2019, tỷ trọng này giảm xuống 2.94%. Tính bình quân giai đoạn 2006-2010, TFP là 2.73%; giai đoạn 2011-2015 là 2.96%; giai đoạn 2016-2019 là 3.125%. Như vậy, có thể thấy, tốc độ tăng TFP trong những năm gần đây của ngành CNCB được cải thiện khá rõ rệt (đặc biệt TFP năm 2015 tăng 3.27%).

BẢNG 2: PHÂN RÃ TFP THEO LOẠI HÌNH DN

(1)	(2)	Đóng góp bên ngoài						
		Tổng đóng góp bên ngoài (3)	Hiệu quả tái phân bổ lao động				DN gia nhập và rút lui	
			Tổng tái phân bổ lao động (4)	DN sống sót		Hiệp phương sai (7)	Gia nhập (8)	Rút lui (9)
				Mở rộng quy mô lao động (5)	Cắt giảm quy mô lao động (6)			
Nhà nước	-0.245	0.419	0.493	0.749	0.008	-0.264	0.159	-0.232
Tư nhân	0.169	-0.223	0.251	0.210	0.294	-0.253	0.155	-0.629
FDI	0.346	-0.347	-0.122	0.292	-0.094	-0.319	0.104	-0.329

BẢNG 3: PHÂN RÃ TFP THEO QUY MÔ VÀ TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ CỦA DN

(1)	(2)	Đóng góp bên ngoài						
		Tổng đóng góp bên ngoài (3)	Hiệu quả tái phân bổ lao động				DN gia nhập và rút lui	
			Tổng tái phân bổ lao động (4)	DN sống sót		Hiệp phương sai (7)	Gia nhập (8)	Rút lui (9)
				Mở rộng quy mô lao động (5)	Cắt giảm quy mô lao động (6)			
DN siêu nhỏ	0.267	0.121	0.121	0.028	0.113	-0.020	-0.006	0.005
DN nhỏ	0.133	-0.449	0.069	0.095	0.084	-0.109	0.218	-0.737
DN vừa	0.118	-0.087	-0.055	0.015	0.009	-0.079	0.014	-0.046
DN lớn	0.213	-0.424	-0.163	0.464	0.002	-0.628	0.248	-0.509
High_tech	0.493	-0.396	-0.050	0.578	0.207	-0.835	0.278	-0.624
Low_tech	-0.232	-0.313	-0.224	-0.113	0.060	-0.172	-0.256	0.168

BẢNG 4: PHÂN RÃ TFP THEO VÙNG KINH TẾ

(1)	(2)	Đóng góp bên ngoài							
		Tổng đóng góp bên ngoài (3)	Hiệu quả tái phân bổ lao động				DN gia nhập và rút lui		
			Tổng tái phân bổ lao động (4)	DN sống sót		Hiệp phương sai (7)	Gia nhập (8)	Rút lui (9)	
				Mở rộng quy mô lao động (5)	Cắt giảm quy mô lao động (6)				
Đồng bằng sông Hồng	I	0.130	-0.052	0.052	0.228	0.130	-0.306	0.045	-0.150
Trung du và Miền núi phía Bắc	II	0.014	-0.022	0.010	0.009	0.008	-0.007	0.036	-0.068
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung		-0.008	-0.171	-0.133	0.028	0.029	-0.189	0.129	-0.167
Tây Nguyên	III	-0.004	0.009	0.011	0.006	0.009	-0.004	0.000	-0.002
Đồng Nam Bộ	IV	0.267	-0.283	-0.081	0.257	-0.072	-0.267	0.082	-0.284
Đồng bằng sông Cửu Long	V	0.091	0.092	0.089	0.048	0.104	-0.063	0.017	-0.014

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra DN của nhóm tác giả

Phân rã TFP theo các ngành sản xuất

Trong Bảng 1: Cột (1) là số ký hiệu các ngành trong mã ngành cấp 2 từ ngành 10 đến ngành 33; Cột (2) là đóng góp của thay đổi năng suất nội ngành thể hiện thay đổi năng suất nội bộ do DN phát triển kỹ thuật hoặc quản lý hiệu quả như đã trình bày ở trên; Cột (3) là tổng đóng góp vào TFP của các yếu tố được gọi là đóng góp bên ngoài; Cột (4) là phần được coi là hiệu quả tái phân bổ lao động; Cột (5) là mở rộng quy mô lao động được thể hiện thông qua đóng góp vào TFP của những DN gia tăng lao động; Cột (6) là cắt giảm quy mô lao động được thể hiện thông qua đóng góp vào TFP của những DN cắt giảm lao động; Cột (7) là thể hiện đóng góp của hiệp phương sai giữa tỷ lệ lao động và thay đổi năng suất; Cột (8) và (9) thể hiện đóng góp vào TFP của các DN gia nhập và rút lui.

Kết quả về đóng góp của các yếu tố bên ngoài vào gia tăng TFP trong phương pháp phân rã ở Bảng 1 cho thấy, trong giai đoạn 2006-2019, hầu hết các yếu tố bên ngoài đều làm gia tăng TFP của các ngành, ngoại trừ ngành 19 có tổng đóng góp từ các yếu tố bên ngoài là âm.

Kết quả tính toán hiệu quả tái phân bổ lao động trung bình của các ngành trong ngành CNCB trong giai đoạn 2006-2019 là âm (-0.027). Hiệu quả của tái phân bổ lao động trong các ngành khác nhau cũng tương đối khác nhau, trong đó có một số có hiệu quả tái phân bổ là âm và một số lại là dương.

Phân rã TFP phân theo loại hình DN

Bảng 2 phân rã TFP phân theo loại hình DN trong giai đoạn 2006-2019 cho

thấy, đóng góp của yếu tố bên ngoài vào gia tăng TFP đối với khu vực DN nhà nước là dương, trong khi đó, 2 khu vực DN còn lại là tư nhân và FDI là âm. Hiệu quả tái phân bổ lao động của các DN trong khu vực nhà nước và tư nhân là dương, trong khi hiệu quả tái phân bổ của DN trong khu vực FDI là âm.

Phân rã TFP theo quy mô và trình độ công nghệ của DN

Bảng 3 xem xét theo quy mô DN cho thấy, những kết quả khá tương đồng khi phân theo quy mô DN. Trong đó, đóng góp của thay đổi năng suất nội ngành vào gia tăng TFP trong phương pháp phân rã này đều là tích cực. Trong khi đó, tổng các yếu tố bên ngoài đóng góp vào gia tăng TFP của DN siêu nhỏ lại tích cực và ngược lại là tiêu cực đối với các DN có quy mô còn lại. Về hiệu quả tái phân bổ lao động cho thấy, chỉ có các DN có quy mô siêu nhỏ và quy mô nhỏ là dương.

Phân rã TFP hợp theo vùng kinh tế

Kết quả tính toán theo vùng (Bảng 4) cho thấy, đóng góp bên trong của tái phân bổ lao động đối với TFP của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên là âm, trong khi các vùng còn lại là dương. Về hiệu quả tái phân bổ lao động cho thấy, chỉ có vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ là âm, trong khi các vùng còn lại là dương.

Các kết quả trên phần nào cho thấy, bức tranh về tái phân bổ lao động ảnh hưởng đến TFP của các ngành cấp 2 trong ngành CNCB ở Việt Nam giai đoạn 2006-2019. Tuy nhiên, hạn chế của phương pháp phân rã này bị ảnh hưởng đồng thời bởi tỷ lệ lao động và mức độ của TFP. Nghĩa là, ngay cả khi các DN mở rộng hoạt động sang lĩnh vực có năng suất cao hơn và các DN giảm quy mô ở lĩnh vực kém năng suất hơn, nhưng nếu tỷ trọng của DN trước rất thấp trong khi tỷ trọng của DN sau đủ lớn, thì họ sẽ đóng góp với giá trị âm vào tổng tăng trưởng năng suất. Tương tự, nếu tỷ lệ của các chủ thể tham gia rất nhỏ và tỷ lệ của các chủ thể rút lui đủ lớn, thì đóng góp ròng vào TFP là âm, mặc dù những chủ thể tham gia có năng suất cao hơn những chủ thể rút lui.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả tái phân bổ lao động đến TFP trong các ngành khác nhau là khác nhau, tác động có thể là dương hoặc âm. Tính chung cho toàn ngành CNCB giai đoạn 2006-2019, thì ảnh hưởng của tái phân bổ lao động tới TFP là âm (-0.027). Trong đó, các DN trong khu vực nhà nước và tư nhân có hiệu quả tái phân bổ lao động là dương (lần lượt là 0.493 và 0.251), trong khi DN ở khu vực FDI lại âm (-0.122). Phân rã theo quy mô DN cho thấy, các DN có quy mô siêu nhỏ và nhỏ có hiệu quả tái phân bổ lao động là dương, còn các nhóm DN còn lại đều cho giá trị âm. Kết quả phân rã theo vùng lãnh thổ cho thấy, hiệu quả tái phân bổ của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ là âm, trong khi các vùng khác là dương. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Baily, Martin Neil, Hulten, Charles, Campbell, David (1992). Productivity Dynamics in Manufacturing Plants, *Brookings Papers on Economic Activity*, 23, 187-267
2. Choi Hyelin, Jung Sung Chun, Kim Subin (2017). *The Effect of Restructuring on Labor Reallocation and Productivity Growth: An Estimation for Korea*, The Korea Institute for International Economic Policy (KIEP) Working Paper, 17-04
3. Dabla-Norris, E., Guo S., Haksar V., Kim M., Kalpana K., Wiseman K., Zdzienicka A. (2015). *The New Normal: A Sector-Level Perspective on Productivity Trends in Advanced Economies*, IMF Discussion Note, (March)
4. Disney R., Jonathan Haskel, Ylva Heden (2003). Restructuring and Productivity Growth in UK Manufacturing, *The Economic Journal*, 113(489), 666-694
5. Fung Kwan, A., Yang Zhang, B., Shuaihe Zhuo C. (2018). Labour reallocation, productivity growth and dualism: The case of China, *International Review of Economics & Finance*, 57, 198-210
6. Hsieh, C. T., Klenow P. (2009). The Quarterly Journal of Economics, *The Quarterly Journal of Economics*, 124(4), 1403-1448
7. Minh N K, Long G T (2008). Factor productivity and efficiency of the Vietnamese economy in transition, *Asia-Pacific Development Journal*, United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), 15(1), 93-117
8. Minh N K, Lan P M, Khanh P V (2019). Productivity growth and job reallocation in the Vietnamese manufacturing sector, *Journal of Economics and Development*, 21(2), 172-190
9. Temple, Jonathan, Ludger Wößmann (2006). Dualism and Cross-country Growth Regressions, *Journal of Economic Growth*, 11(3), 187-228